

PHÁT TRIỂN MẠNH MẼ NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH XÂY DỰNG NƯỚC TA

(Phần IV và Kết luận)

TS. Phạm Sỹ Liêm
Phó Chủ tịch Tổng hội Xây dựng Việt Nam



Lắp đặt Cửa van đập Thảo Long (Huế) trong nước,
khẩu độ 33m, truyền động piston thủy lực

Tại Hội thảo quan trọng □**Phát triển nguồn nhân lực ngành xây dựng**□. do Tổng hội Xây dựng Việt Nam tổ chức, TS. Phạm Sỹ Liêm, Phó Chủ tịch Tổng hội, đã trình bày bản Báo cáo chính □**Phát triển mạnh mẽ nguồn nhân lực ngành xây dựng nước ta**□ với những phân tích sâu sắc và những kiến giải sáng tạo. Xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc lần lượt từng phần của Báo cáo.

Phần Mở đầu và phần thứ nhất:

<http://www.vncold.vn/Web/Content.aspx?distid=990>

Phần thứ hai:

<http://www.vncold.vn/Web/Content.aspx?distid=1002>

Phần thứ ba:

<http://www.vncold.vn/Web/Content.aspx?distid=1016>

Dưới đây là phần thứ tư , Kết luận và Phụ lục.

BBT.



Phần Thứ tư

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC XÂY DỰNG

1. Sự cần thiết phải bổ sung, sửa đổi, xây dựng các chính sách Phát triển nguồn nhân lực Xây dựng

Để đáp ứng được yêu cầu nhân lực cho ngành Xây dựng của Việt Nam trong thời gian sắp tới phục vụ xây dựng các công trình kinh tế xã hội với tốc độ tăng rất nhanh kể cả việc phục vụ yêu cầu nhân thủ xây dựng ở nước ngoài đảm bảo số lượng, chất lượng, hiệu quả. Nhà nước cần có các chủ trương, chính sách phù hợp thông qua các quy định của Pháp luật ở tất cả các lĩnh vực đào tạo, cung ứng, sử dụng, đãi ngộ nhằm phát triển nguồn nhân lực ngành Xây dựng ở Việt Nam.

Việc xây dựng các chính sách về lĩnh vực nguồn nhân lực ở Việt Nam nói chung và nguồn nhân lực ngành Xây dựng nói riêng trong thời gian qua đã có nhiều thay đổi lớn. Trong thời kỳ bao cấp toàn bộ các lĩnh vực đào tạo, cung ứng, sử dụng nguồn nhân lực được kế hoạch hóa cao độ từ kinh phí đào tạo, số lượng ngành nghề đào tạo từ cán bộ đến công nhân, việc sử dụng nguồn nhân lực đào tạo đều được “giao nhiệm vụ”, mọi việc trở nên “đơn giản”. Phải nhận thấy rằng khi nền kinh tế còn chưa phát triển, lĩnh vực và nguồn vốn đầu tư xây dựng còn nhỏ bé, cả nước chỉ có vài mươi công trình lớn với số lượng cán bộ công nhân không nhiều thì về cơ bản nguồn nhân lực đáp ứng được các yêu cầu của thời kỳ đó.

Bước vào thời kỳ đổi mới với đà tăng trưởng kinh tế cao, nguồn vốn đầu tư từ ngân sách ngày càng lớn, với việc khuyến khích đầu tư trong và ngoài nước, nhiều nguồn vốn đầu tư nước ngoài và từ người dân tăng nhanh, từ đó nhiều công trình Khu công nghiệp lớn được đầu tư xây dựng. Các công trình hạ tầng được đầu tư rất mạnh với tốc độ cao, **nguồn nhân lực ngành Xây dựng không đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế thị trường**. Trước tình hình đó chúng ta cũng đã ban hành nhiều chủ trương chính sách, nhiều văn bản pháp luật nhằm phục vụ cho các yêu cầu phát triển nguồn nhân lực nói chung và của ngành Xây dựng nói riêng.

- Về lĩnh vực đào tạo đó là các quy định cho phép mở các trường Dân lập, Tư thục, kể cả các chủ thể là người nước ngoài để đào tạo từ các cán bộ chuyên môn trình độ đại học, các trường đào tạo cán bộ quản lý đến các trường dạy nghề.

- Về sử dụng lực lượng lao động đã chuyển từ hình thức “biên chế” sang cơ chế hợp đồng lao động dài hạn và ngắn hạn cho phép sử dụng mọi nguồn nhân lực trong xã hội.

- Về tiền lương đã giao quyền tự chủ cho các doanh nghiệp quyết định về mức lương cho người lao động.

- Luật Doanh nghiệp đã cho phép phát triển rất mạnh các doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần trong ngành Xây dựng từ hoạt động tư vấn đến đầu tư, xây lắp (riêng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2006 đã có 23.000 doanh nghiệp hoạt động xây dựng).

- Luật Đầu tư (trong và ngoài nước) đã khuyến khích và cho phép các doanh nghiệp nước ngoài được liên doanh, liên kết và trực tiếp đưa cán bộ, công nhân vào xây dựng các công trình tại Việt Nam, nhất là các công trình đòi hỏi kỹ thuật cao (như lọc hóa dầu, hóa chất, cầu giầy văng□).

Với những chính sách thay đổi đó, nguồn nhân lực ngành Xây dựng Việt Nam đã lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, phần nào đã đáp ứng được yêu cầu về lĩnh vực xây dựng, điển hình là các công trình điện, dầu khí, cầu đường, nhà ở. **Tuy nhiên như phân tích ở các phần trên, nguồn nhân lực ngành Xây dựng vẫn còn nhiều tồn tại, chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường, nhất là với tốc độ đầu tư tăng rất nhanh trong thời gian sắp tới (vài chục tỷ đô la đầu tư hàng năm) và trong điều kiện hội nhập. Nước ta đã gia nhập WTO, điều đó đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới các chính sách, thể chế thông qua các quy định của pháp luật nhằm phát triển nguồn nhân lực ngành Xây dựng Việt Nam.**

2. Các nguyên tắc sửa đổi, bổ sung, xây dựng chính sách, thể chế phát triển nguồn nhân lực xây dựng

Trên cơ sở các yêu cầu phục vụ cho công tác phát triển nguồn nhân lực ngành Xây dựng đã nêu ở trên, để xây dựng, bổ sung sửa đổi chính sách, thể chế phù hợp với yêu cầu của thị trường, các kiến nghị và chính sách lần này cần được dựa trên nguyên tắc:

- Yêu cầu của nhân lực trong từng giai đoạn dài hạn và ngắn hạn từ đó hoạch định các chính sách phù hợp.

- Phù hợp với hình thức quản lý sử dụng nhân lực mới của doanh nghiệp nhằm khuyến khích người lao động làm việc với hiệu quả cao nhất, đặc biệt liên quan đến chính sách sử dụng cán bộ, chính sách trả lương.

- Phù hợp với đặc điểm của ngành Xây dựng làm việc có thời vụ, có các giai đoạn khác nhau (giai đoạn làm móng, giai đoạn thi công khung sườn, giai đoạn phối hợp lắp máy, giai đoạn hoàn thiện□) đòi hỏi nguồn nhân lực khác nhau. Vì vậy đặt ra các yêu cầu về chuyên môn hóa cao đồng thời cũng cần có chính sách, thể chế đào tạo công nhân giỏi một nghề biết nhiều nghề.

- Chính sách, thể chế phải tận dụng tối đa mọi nguồn lực của xã hội: của Nhà nước, của doanh nghiệp và của cá nhân người lao động.

- Sự phù hợp với những thông lệ quốc tế trong điều kiện hội nhập.

- Khuyến khích việc đào tạo nhân lực làm việc trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ mới.

3. Các kiến nghị về cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực Xây dựng

3.1. Lĩnh vực đào tạo

Bổ sung các cơ chế chính sách nhằm **khuyến khích** mọi tổ chức, cả trong và ngoài nước mở các trường đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn, các trường dạy nghề như quy hoạch toàn quốc về các trường đào tạo, quy hoạch xây dựng các trường kèm

theo chính sách cấp đất xây dựng, chính sách miễn giảm tiền sử dụng đất, chính sách thuế □

3.1.1. Vấn đề quy hoạch các trường đại học và dạy nghề

Thời gian qua việc mở trường đại học dạy nghề gặp vấn đề rất lớn là việc làm các **thủ tục xin cấp đất để xây dựng trường** (Đại học, Cao đẳng, dạy nghề □) hết sức phức tạp nhiều phiền hà, tiêu cực. Đó cũng là **khó khăn lớn nhất** mà những người, tổ chức muốn “mở trường” gặp phải, vì vậy Nhà nước với vai trò chủ đạo của mình “Chính phủ phải nhảy vào cuộc để nâng cao mức đầu tư chung dành cho giáo dục và nghiên cứu, nhất là tạo ra đủ các nhà khoa học, kỹ sư và nhà quản lý đáp ứng yêu cầu” (Báo cáo Top 200 DN do cơ quan phát triển Liên hợp quốc vừa công bố tháng 8 - do ông Jago Penrose một trong 3 đồng tác giả trả lời phỏng vấn Vietnam net về vấn đề đào tạo nguồn nhân lực) cụ thể bằng 2 phương thức.

- Quy hoạch xây dựng các trường (Đại học và dạy nghề) tại các đô thị, khu công nghiệp là một điều kiện bắt buộc trong quy hoạch. Các nhà đầu tư chỉ làm **thủ tục thuê đất** để tiến hành xây dựng trường theo dự án, thậm chí còn được miễn phần đóng góp cơ sở hạ tầng (do Chính phủ điều tiết khi đấu giá đất).

- Còn một cách làm nữa là nhà nước xây dựng trường thông qua đơn vị quản lý cho các doanh nghiệp thuê để mở trường. Đây là việc rất tốt và rất cần thiết ở các vùng khó khăn chưa phát triển (như khu công nghiệp Dung Quất, khu công nghiệp Vân Phong□) nhưng đòi hỏi vốn đầu tư rất lớn.

3.1.2. Có những chính sách cụ thể khuyến khích việc hợp tác đào tạo với nước ngoài trong các lĩnh vực ngành nghề mới, công nghệ mới thông qua việc sử dụng ngân sách nhà nước, sử dụng vốn ODA, chính sách thuế□

3.1.3. Bổ sung sửa đổi các chính sách trong lĩnh vực đào tạo lại, đào tạo nâng cấp, trong việc cấp chứng chỉ hành nghề nhằm đáp ứng yêu cầu trong nước và quốc tế, kể việc sửa đổi luật theo hướng giao việc cấp chứng chỉ trình Độ hành nghề cho các tổ chức xã hội nghề nghiệp phù hợp với thông lệ quốc tế.

3.1.4. Bổ sung, sửa đổi ban hành các chính sách khuyến khích hợp tác đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp theo hướng.

- Đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp, để tránh tình trạng doanh nghiệp phải “đào tạo lại” khi nhận người và giao việc, trong đó bao gồm cả nội dung đào tạo, thực tập, kinh phí □

Huy động sự đóng góp của doanh nghiệp trong đào tạo, kèm theo quy định thời gian phục vụ của người lao động phù hợp với cơ chế đóng góp kinh phí đào tạo.

3.2. Lĩnh vực cung ứng nguồn nhân lực

- Ban hành các thể chế, chính sách phù hợp về các công ty cung ứng nhân lực, công ty môi giới có chức năng tuyển dụng, đào tạo cung ứng môi giới nhân lực một cách đồng bộ các cán bộ quản lý, kỹ sư, công nhân đảm bảo tận dụng tối đa năng lực, thời gian làm việc của người lao động. Nếu có chính sách quy định phù hợp chúng ta sẽ tận dụng và quản lý được các tổ chức “phi chính thức” hiện đang tồn tại trên thị trường xây dựng ở Việt Nam (các tổ thợ của “cai thầu”, nhóm thợ tự do□)

- Bổ sung các quy định cơ chế “đặt hàng” cung ứng nguồn nhân lực giữa trường đào tạo và doanh nghiệp.

3.3. Lĩnh vực sử dụng người lao động

Với đặc điểm riêng của ngành Xây dựng: công việc có tính thời vụ, chịu ảnh hưởng trực tiếp của thời tiết, công việc xây dựng ở nhiều địa điểm vùng sâu, vùng xa, hải đảo xa gia đình, điều kiện sống khó khăn □ Vì vậy cần phải bổ sung, sửa đổi các cơ chế chính sách nhằm thu hút nguồn nhân lực ngành Xây dựng, khuyến khích lao động ngành Xây dựng làm việc với năng suất cao, chất lượng tốt, trong đó cần phải có những quy định mới, cụ thể:

- Bổ sung sửa đổi phương pháp tính “dự toán tiền công” trong định mức kinh tế xây dựng theo hướng giao toàn quyền cho nhà thầu tính toán tiền lương trong các hồ sơ dự thầu cho từng công trình ở từng địa điểm khác nhau, bãi bỏ các chỉ tiêu, định mức quá “cứng” và thấp đang ban hành, tiền lương của người xây dựng phải được xếp vào nhóm có tiền lương cao (so với tiền lương trung bình của ngành công nghiệp).

- Giao toàn quyền hình thức trả lương, mức lương cho doanh nghiệp trên cơ sở tính toán hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp nhằm khuyến khích sử dụng người quản lý tài giỏi, công nhân tay nghề cao, gắn bó người lao động với doanh nghiệp.

- Bổ sung các chức danh nghề nghiệp trong ngành Xây dựng nhằm khuyến khích, đào tạo người tài kèm theo việc trả lương xứng đáng như: Tổng công trình sư, Kỹ sư trưởng, Chánh kỹ sư, Chủ nhiệm dự án □, một số chức danh gắn với nhiệm vụ khác trên công trường như Chánh kỹ sư giám sát, Chánh kỹ sư quản lý chất lượng □

- Sửa đổi bổ sung luật về việc cấp chứng chỉ hành nghề theo chế độ đăng bạ kỹ sư chuyên nghiệp cho các cá nhân hoạt động xây dựng trên nguyên tắc nhà nước quản lý, các hội nghề nghiệp tổ chức đào tạo cấp chứng chỉ hành nghề.

- Sửa đổi bổ sung các quy định, chế tài đủ mạnh đảm bảo quyền lợi của người lao động (chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, chế độ chờ việc □)

3.4. Các chính sách chung

Chính phủ cần có quyết định giao nhiệm vụ cho bộ thành lập cơ quan chuyên trách (ví dụ: với lao động ở Bộ Lao động TBXH, với cán bộ là Bộ Xây dựng) có nhiệm vụ giúp Chính phủ xây dựng chiến lược đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho từng giai đoạn, thông tin cho thị trường tình hình đào tạo, cung ứng, sử dụng lao động, lập kế hoạch hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước cho phát triển nguồn nhân lực (đào tạo, hợp tác quốc tế □).

- Chính sách khuyến khích **xuất khẩu xây dựng** nhận thầu xây dựng công trình ở nước ngoài trong đó có các cơ chế chính sách phù hợp cho công nhân, cán bộ làm việc ở nước ngoài (chế độ bảo hiểm xã hội, y tế, chính sách thuế, hải quan, vay vốn □)

KẾT LUẬN

Ngành xây dựng là bộ phận quan trọng của nền kinh tế quốc dân, có nhiệm vụ đi trước mở đường trong công cuộc phát triển đất nước, hướng tới mục tiêu đến năm 2020 đưa nước ta trở thành nước công nghiệp hóa về cơ bản.

Để hoàn thành trọng trách của mình, ngành cần được tăng cường về mọi mặt, mà trước hết là về nguồn nhân lực. Muốn vậy ngành cần đổi mới việc sử dụng nhân lực theo hướng hiện đại hoá và hội nhập quốc tế, nâng cao mức thu nhập của người lao động, đổi mới việc cung ứng nhân lực cho phù hợp với các nguyên tắc của thị trường lao động, còn công tác đào tạo nhân lực cần sát hợp với nhu cầu của thị trường xây dựng.

Để phát triển nguồn nhân lực xây dựng thì cần đến sự phối hợp và phân công chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp xây dựng, các đơn vị đào tạo và các tổ chức xã hội nghề nghiệp về xây dựng. Có như vậy các nỗ lực phát triển nguồn nhân lực xây dựng mới đúng hướng và đạt hiệu quả cao.

Báo cáo này nêu lên cái nhìn tổng quát về phát triển nguồn nhân lực xây dựng theo hướng hiện đại hoá và dựa trên các nguyên tắc thị trường, mà ở đây là thị trường xây dựng và thị trường lao động. Báo cáo mong giúp ích được cho các nhà hoạch định chính sách và đưa ra những gợi ý cho các doanh nghiệp về sử dụng, cung ứng và đào tạo nguồn nhân lực xây dựng. Báo cáo cũng nhấn mạnh đến vai trò của các tổ chức xã hội nghề nghiệp trong phát triển nguồn nhân lực xây dựng.

Báo cáo mong rằng các vấn đề nêu ra sẽ được tiếp tục quan tâm xem xét, nghiên cứu sâu sắc và cụ thể hơn nữa để góp phần nhanh chóng hoàn thiện thể chế của cả thị trường xây dựng cũng như thị trường lao động nước ta. Về phần mình, Tổng Hội Xây dựng Việt Nam sẵn sàng đóng góp trí tuệ và sức lực vào công cuộc phát triển nguồn nhân lực xây dựng nước ta.

**Phụ lục: Danh mục các trường và ngành nghề đào tạo nhân lực
Xây dựng (chưa kể các trường thuộc Bộ GTVT và Bộ NN&PTNT)**

Số TT	Tên trường	Số lượng ngành	Tên ngành
1	Đại học Kiến trúc Hà Nội	4	+ Kiến trúc công trình + Quy hoạch đô thị + Xây dựng - Xây dựng và Công nghiệp - Công trình ngầm - Quản lý xây dựng đô thị + Kỹ thuật HT và Môi trường ĐT - Cấp thoát nước - Kỹ thuật Hạ tầng Đô thị - Kỹ thuật Môi trường Đô thị
2	Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh	5	+ Kiến trúc Công trình + Quy hoạch Đô thị

			+ Xây dựng Hạ tầng Đô thị + Mỹ thuật Công nghiệp
3	Đại học Xây dựng	12	+ Kiến trúc Công trình + Xây dựng DD & CN + Xây dựng Cầu đường + Cấp thoát nước + Kỹ thuật Môi trường + Xây dựng Cảng đường thủy + Xây dựng CT Thủy lợi + Xây dựng CT Biển, Dầu khí + Vật liệu và cấu kiện xây dựng + Tin học Xây dựng + Cơ khí chuyên dùng + Kinh tế Xây dựng và Quản lý ĐT
4	Đại học dân lập Văn lang	3	+ Kiến trúc công trình + Xây dựng D D & CN + Công nghệ và Quản lý MT
5	Đại học dân lập Đông Đô	2	+ Kiến trúc + Xây dựng DD & CN
6	Đại học dân lập Phương Đông	2	+ Kiến trúc - Kiến trúc Phương Đông - Kiến trúc Công trình + Xây dựng - Xây dựng DD và CN - Cầu đường - Công trình KTHT Đô thị - Cấp thoát nước
7	Viện Đại học Mở	1	+ Kiến trúc
8	Học Viện Kỹ thuật Quân sự	1	+ Kỹ thuật công trình - Xây dựng DD & CN - Xây dựng Cầu đường
9	Đại học Giao thông vận tải	3	+ Xây dựng cầu đường + Kỹ thuật môi trường + Kinh tế Xây dựng
10	Đại học Hải phòng	1	+ Xây dựng DD & CN
11	Đại học Hàng hải	3	+ Công trình thủy + Xây dựng DD & CN + Kỹ thuật Môi trường

12	Đại học Hồng Đức	2	+ Xây dựng DD & CN + Xây dựng cầu đường
13	Đại học Thủy lợi	5	+ Công trình thủy lợi + Công trình thủy điện + Máy xây dựng và thiết bị thủy lợi + Kỹ thuật cơ sở hạ tầng + Kỹ thuật xây dựng công trình
14	Đại học Vinh	1	+ Xây dựng DD & CN
15	Đại học dân lập Hải Phòng	2	+ Kỹ thuật công trình - Xây dựng DD& CN - Xây dựng cầu đường + Kỹ thuật môi trường
16	Đại học dân lập Lương Thế Vinh	1	+ Xây dựng
17	Đại học Bách khoa TP. HCM	7	+ Xây dựng - Xây dựng DD & CN - Xây dựng cầu đường - Xây dựng Cảng và CT Biển + Kỹ thuật và quản lý môi trường + Kỹ thuật giao thông + Công nghệ vật liệu + Trắc địa + Vật liệu và cấu kiện xây dựng + Thủy lợi, thủy điện, cấp thoát nước
18	Đại học Huế	1	+ Kiến trúc công trình
19	Đại học Bách khoa Đà Nẵng	4	+ Xây dựng DD & CN + Xây dựng cầu đường + Cấp thoát nước, môi trường + Quy hoạch đô thị
20	Đại học Bán công Tôn Đức Thắng	4	+ Kỹ thuật môi trường + Xây dựng DD & CN
21	Đại học Cần Thơ	2	+ Xây dựng công trình thủy + Xây dựng cầu đường + Kinh tế Xây dựng
22	Đại học GTVT TP. HCM	3	+ Xây dựng DD & CN

23	Đại học Dân lập Bình Dương	1	+ Xây dựng DD & CN
24	Đại học Dân lập Cửu Long	2	+ Xây dựng DD & CN + Xây dựng Cầu và Đường
25	Đại học Dân lập Duy Tân	2	+ Xây dựng công trình - Xây dựng DD & CN - Xây dựng cầu đường + Kiến trúc
26	Đại học Dân lập Hồng Bàng	1	+ Kỹ thuật công trình - Xây dựng DD & CN - Xây dựng cầu đường
27	Đại học Dân lập kỹ thuật công nghệ Sài Gòn	1	+ Kỹ thuật công trình
28	Đại học Dân lập Kỹ thuật công nghệ TP.HCM	3	+ Kỹ thuật công trình - Xây dựng DD & CN - Xây dựng cầu đường
29	Đại học Dân lập Lạc Hồng	2	+ Xây dựng DD & CN + Xây dựng cầu đường
30	Đại học Dân lập Yersin Đà Lạt	2	+ Kiến trúc + Quy hoạch Đô thị
31	Đại học mở Bán công TP. HCM	1	+ Xây dựng